

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 20 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm và bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng, thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Ông Nay Ha, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXXST-HS ngày 06/01/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990 tại thị xã A, tỉnh G; nơi cư trú: số 16 P Đ P, phường S B, thị xã A, tỉnh G; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thu H; có vợ là Phạm Thị M và 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 09/10/2020; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 12/10/2020. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1981

Trú tại: Tổ 1, phường C R, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979

Trú tại: 454B T H Đ, Tổ 1, phường C R, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Đình P (Tr), sinh năm 1994

Trú tại: Tổ 3, phường S B, thị xã A, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 ngày 09/10/2020, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô BKS: 81M1-080.66 đến nhà chị Phạm Thị Thanh T1 tại tổ 1, phường C R, thị xã A, tỉnh G để đòi tiền công sửa nhà 1.400.000 đồng. Khi gần đến nơi, T để xe mô tô của mình tại tiệm sửa xe Honda Th, bên cạnh nhà chị T1, rồi đi bộ sang nhà chị T1. Khi vào trong nhà, T hỏi lấy tiền nợ nhưng chị T1 nói chưa có tiền nên T quay ra đi về thì phát hiện chiếc xe mô tô của chị T1 nhãn hiệu DEALIM mang BKS 81AL – 004.67 dựng ở hiên nhà có cắm sẵn chìa khóa. Biết chị T1 đang ở trong nhà, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này rồi đi đến dắt xe ra ngoài đường, bật chìa khóa xe cho nổ máy, điều khiển xe chạy về nhà mình tại số 16 P Đ P, tổ 6, phường S B, thị xã A, tỉnh G. Khi về nhà, T gặp em trai là Nguyễn Đình P và nói là xe của bạn gửi, rồi nhờ P chở đến tiệm sửa xe Honda Th lấy xe của mình về. Sau khi về nhà, T dùng thủ đoạn báo cho chị T1 biết để chị T1 mang tiền đến trả thì T sẽ trả lại xe. Nhưng khi liên lạc với chị T1 theo số thuê bao 0332421969 không được, T tiếp tục để chiếc xe trên ở nhà mình và không có động thái gì.

Khi phát hiện bị mất tài sản, chị Phạm Thị Thanh T1 đã đến cơ quan Công an trình báo. Đến 12 giờ 00 cùng ngày, Nguyễn Thanh T được mời lên Công an phường C R, thị xã A làm việc. Tại đây T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và giao nộp xe mô tô trộm cắp được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 14 ngày 12/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận: 01 (một) xe mô tô mang BKS 81AL-00467, hiệu DEALIM màu đen, số máy: VZS139FMB-17002222; số khung: RR6SCBNUMJD002222 có trị giá 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô mang BKS 81AL-00467, hiệu DEALIM màu đen, số máy: VZS139FMB-17002222; số khung: RR6SCBNUMJD002222. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Phạm Thị Thanh T1.

- 01 (một) điện thoại di động màu vàng gold, nhãn hiệu OPPO, số Imei 1: 866977030729554, Imei 2: 866977030729547 (điện thoại của Nguyễn Thanh T).

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Phạm Thị Thanh T1 không yêu cầu gì đối với Nguyễn Thanh T.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến

24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; trả lại cho Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động màu vàng gold, nhãn hiệu OPPO, số Imei 1: 866977030729554, Imei 2: 866977030729547 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thanh T.

Ý kiến của bị cáo: Thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự và mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Ý kiến của Người bị hại trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người bị hại đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do, lời khai bị hại có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ, không có yêu cầu gì về quyền lợi, cũng như nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Tòa án căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ 00 ngày 09/10/2020, Nguyễn Thanh T đến nhà chị Phạm Thị Thanh T1 để đòi tiền công sửa nhà mà chị T1 còn nợ lại, nhưng không được. Khi quay về thì thấy chiếc xe mô tô của chị T1 dựng ở hiên nhà có cấm sẵn chìa khóa, không có ai trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo dắt xe ra ngoài đường, bật chìa khóa, điều khiển xe chạy về nhà mình. Hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô trị giá 8.500.000 đồng của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, mà còn xâm hại đến trật tự trị an cho xã hội, bị quần chúng nhân dân bất bình lên án. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Đánh giá về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn

hồi cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét lời khai của bị cáo từ việc chị T1 nợ tiền công sửa chữa nhà đã lâu rồi nhưng không trả, bị cáo mới lấy xe mô tô của chị T1 nhằm buộc chị T1 phải trả tiền thể hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nhất thời; xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trước khi phạm tội có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại; bị cáo có việc làm ổn định, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm. Áp dụng khoản 1 và 2 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

[3] Về những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng cơ bản phù hợp với kết quả nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về ý kiến của bị cáo: Nhất trí với quan điểm truy tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, nên hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng: 01 điện thoại di động màu vàng gold, nhãn hiệu OPPO là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thanh Tuấn không liên quan đến vụ án; cần áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho UBND phường S B, thị xã A, tỉnh G giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động màu vàng gold, nhãn hiệu OPPO.

Đặc điểm nhận dạng vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 22/12/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/01/2021), bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được yết lên Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lâm

Nguyễn Thị Mến

Dương Đình Mạnh

